



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 50966

VEWL#: _____

I-171: ___Y___NO

EXIT VISÁ #: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH QUANG SANG
Last Middle First

Current Address: 2 Le Loi / hẻm 47 - K7 Long Be - Thủ Đức - TP. HCM - VIETNAM

Date of Birth: 09.20.1947 Place of Birth: Long Be

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06.1975 To 02.03.1978
Years: 02 Months: 08 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

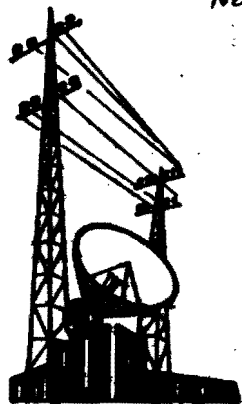
5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FROM: Huỳnh Quang Sang
& Lê Trí Tô 47 Khu 7
Sông Bé Thủ Đức Mới
Nam Việt Nam.



BUFFALO T.P. HỒ CHÍ MINH

TO: Mrs. Khúc Minh Thu
P.O. Box 5495
ARLINGTON VA 22205

- 0535

U.S.A.

DỊCH VỤ MỚI

1. FACSIMILE : Thư từ, hồ sơ hình ảnh — Được chụp và truyền nhanh chóng, nguyên dạng.
2. COLLECT CALL : Điện thoại nước ngoài — Thu cước ở người được gọi.
3. EXPRESS (PCNI) : Thư từ nhanh chóng, chính xác — Theo yêu cầu.
4. ĐIỆN HOA : Chúc mừng, chia buồn, quà tặng...

Bưu điện Tp. Hồ Chí Minh hân hạnh được đón tiếp và phục vụ



①

THE AMERICAN NATIONAL RED CROSS

Hồng Bội 16/8/1990.

Kính gửi Bà Khúc Minh Thu.
Hội Cựu tù nhân chính trị.
Hoa Kỳ.

Kính thưa bà,

Rất tiếc, xin bà thông cảm
khi tôi xử dụng giấy hồ sơ thông tin
của tôi ngày xưa còn làm việc
cho hội để gửi đến bà vì không
còn tờ nào để hơn. Mong bà thông
cảm và không có chấp cho hoàn
cảnh của một cựu tù nhân chính trị.

Tôi tên Huỳnh Quang Sang sinh
năm 1947. xin trình bày cũng bà
và quý Hội một số việc và nguyện
vọng sau:

Nguyên trước đây, sau khi
học tập cải tạo về và bị quản chế
01 năm tôi có làm nhiều đơn từ
gửi đến Thái Lan và Hoa Kỳ xin
được cứu xét ra đi kèm theo
tên ngưởi bạn gái là Nguyễn Thị
Ngà Châm vì cô ta mong muốn được



(2)

THE AMERICAN NATIONAL RED CROSS

toàn tu cũng chồng đã - một biên sang
đình cử tại Uó (không chứng từ đình
kèm hồ sơ) và sau đó cô ta đã được
chồng - bao lãnh ra đi năm 1984

Hay tôi xin Bà và quý thê vì
lý do nhân đạo và tình nguyện hãy
giúp chúng tôi 1/- được - tại nguyện
từ - lâu mà không đủ - điều - kiện.

2/- xin Bà và quý thê
hay cam thiệp cùng văn phòng Q.P. + H.O.
Điều chỉnh hồ sơ cũ của tôi - gửi đến
Thái Lan vào năm 1980 - 81 - 82

với IV: 50.966 sau:

1/- Bà chỉ trước là 209/4 Lê Lợi Sông
Bé này, điều chỉnh lại là số 2 Lê Lợi
Sông Bé Thu dân Một.

2/- Tên người - bạn gái đi kèm trước
khi tên Nguyễn Thị - Nga Châm xin
Điều chỉnh lại là Nguyễn - Thị Ven
cũng 02 con là Trần - Thị Kim Thy và
Trần Thị Phương - Mai có - chứng từ kết
hôn là vô - chính thức (đính kèm
hồ sơ mới).

Kất - mong Bà và quý thê vì việc
lạm và thê, vì tình - nguyện đã ra



THE AMERICAN NATIONAL RED CROSS

Đi ra ngoài ăn ở lại đây, giúp
chúng tôi đạt được như ý càng sớm
càng tốt. Hơn nữa vô tội hiện tại
cũng đã nhiều năm làm cho nỗi
của họ tại Việt-Nam. Chắc rằng
Bà cũng hiểu cho hoàn cảnh gia
đình chúng tôi. Chúng tôi đang chờ
đón từng ngày, từng giờ bàn tay
thanh thiện của Bà và quý thí.

Kính chào Bà và quý thí cùng
gia quyến gặp nhiều niềm vui lành
và Chúa Kitô.

T.B. Rất mong được Bà
và quý thí bỏ một ít
thời gian hồi âm, chắc
là tôi cũng mừng lắm.

hãy kính.

Sauve

Thuyết. quang Sang.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TỈNH SÔNG BÈ

SỔ HỘ KHẨU
GIÁ ĐÌNH

Họ và tên chủ hộ NGUYỄN THỊ QUANG

Số nhà 02 Ngõ (hẻm) TỔ K7 KHU 7

Đường phố, xóm, ấp, bản LÊ LỢI

Phường, xã, thị trấn PHÚ CƯỜNG

Huyện, thị xã THUẬN AN

SÔNG BÈ

QUYỀN SỐ 1839 /SL

Quan hệ với chủ hộ Nội dung	1 CHỨC VỤ	2 CÁN
1- Họ và tên - Tên thường gọi	Nguyễn Thị Công	Nguyễn Thị Công
2- Ngày tháng năm sinh	15-06-1946	15-06-1946
3- Nơi sinh	Sài Gòn	Sài Gòn
4- Nam hay Nữ	Nữ	Nữ
5- Nguyên quán	Phú Cường	Phú Cường
6- Dân tộc	Kinh	Kinh
7- Tôn giáo	Không	Không
8- Số giấy CMND	28004882H	28000656K
9- Nghề nghiệp và nơi làm việc		
10- Chuyển đến: - ở đâu đến - ngày đến	Phú Cường 20-10-1976	Phú Cường 20-10-1976
11- Chuyển đi: - đi đâu - Ngày đi		
Cơ quan ĐKKK Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an Quận Huyện Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)		

Nguyễn Thị Công

Quan hệ với chủ hộ		3 CON	4 CON
Nội dung			
1- Họ và tên		Huỳnh Nguyễn Hữu	Huỳnh Lê Quang Sáng
- Tên thường gọi			
2- Ngày tháng năm sinh		25-06-1957	20-09-1967
3- Nơi sinh		Phước Cường	Phước Cường
4- Nam hay Nữ		Nam	Nam
5- Nguyên quán		Chánh Hiệp	Chánh Hiệp
6- Dân tộc		Kinh	Kinh
7- Tôn giáo		Khổng	Khổng
8- Số giấy CMND		23006369	23087059
9- Nghề nghiệp			
và nơi làm việc			
10- Chuyển đến:			
- ở đâu đến		Phước Cường	Hố Nai
- ngày đến		31-10-1989	15-02-1988
11- Chuyển đi:			
- đi đâu			
- Ngày đi			
Co quan	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an Quận Huyện Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)		

[illegible]

Số: 2466/QP

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07-TTLĐ ngày 20-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 42/QĐ ngày 30-01-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN QUANG SANG L 10-73-02

Ngày, tháng, năm sinh: 1947.

Quê quán: Thủ Dầu Một.

Trú quán: 200/4 Lê Lợi - Thị xã Thủ Dầu Một - Công. B.

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị, văn hóa của chế độ cũ: 57/805-665-Trung úy Sĩ quan đội trưởng. C3/8/75. Bộ binh.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: _____, thuộc Huyện,

Quận: Thủ Dầu Một. Tỉnh, Thành phố: Công. B.

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác: _____

- Thời hạn quản chế: 12 tháng.

- Thời hạn đi đường: _____ ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: _____

Ngày 02 tháng 02 năm 1978

20 THỦ DẦU MỘT ĐOÀN 700

Trưởng tá: NGUYỄN VĂN DAI.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(République du Viet-Nam)

TÒA SƠ-THẨM
Bình-Dương

PHÒNG LỤC-SỰ

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM **Bình-Dương**

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH **Làng Phú-Cường**

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh Thủ-Dầu-Hộ

(NAM-PHẦN)

(Sud VietNam)

NĂM **1947**

(Année)

SỐ HIỆU **533**

(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	HUYỀN-QUANG-SANG
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	NAM
Sinh ngày nào (Date de naissance)	20 SEPTEMBRE 1947
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	PHÚ-CƯỜNG
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	HUYỀN-VĂN-DƯA
Cha làm nghề gì (Sa profession)	TRƯỞNG
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	PHÚ-CƯỜNG
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	HOUYỀN-THY-QUANG
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	LÀM CÔNG VIỆC NHÀ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	PHÚ-CƯỜNG
Vợ chồng hay thờ (Son rang de femme mariée)	VỢ CHÁNH

Trích y bản chính,
(Pour extrait conforme)

Bình-Dương

ngày **14-8-1974**

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



MAI-ĐẮC-MỤC

Giá tiền **15000**

(Coût)

Biên-lai số **893/H/KS.**

(Quittance n°)

Việt-Nam Cộng-Hoà

Bộ Nội-Vụ

TH Ứ Ầ N - Ứ Ớ C

Số : 0 4 8 8 0 3

Bí danh



Họ tên : HUỖNH - QUANG - Ầ NG

Ngày, năm sanh : 20-9-1947

Nơi sanh : Phú-Cường

Bình-Dương

Cha : Huỳnh-văn-Đua

Mẹ : Nguyễn-thị-Quang

Nghề-nghiệp : Học-Sinh

Địa chỉ : 209/4 Lê-Lợi, Châu-Thành, Bình-Dương

Phía đầu :

Cao : 1 th 64

Dấu vết riêng : CT

Nặng : 47 kg

Tàn nhang dưới ngoài má phải

Bình-Dương, ngày 23.3.1965

Trưởng-Ty C.S.Q.G

Ấn-ký

Ngón trỏ : Ngón trỏ
trái : mặt

Thiếu-Tá Phan-Ngọc-Trung .

((/-)) Ầ N - S Ầ O

Bình-Dương, ngày 1 tháng 7 năm 68

TL. Tỉnh-Trưởng

Trưởng-Ty Hành-Chánh

Được 4 đơn vị chính 30

Quảng sự trình ngày hôm nay.

Bình-Dương ngày 1 / 7 / 1968

TL. TỈNH-TRƯỞNG

Trưởng-Ty Hành-Chánh.



NHỘ VẤN CHÂN

10/01-1990

Hall or send him completed
questionnaire to:
Cố bộ câu hỏi này tới:

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand



F. Name
Ho, tên

ĐUYNH C. VANG - SANG

2. Other Names
Ho, Len Huan

Chang

3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh

20-09-1947

4. Residence Address,
 District, Subdivision

Đ. Lê Lợi. Tổ 47 Khu 7 Thủ Đức

3. Mailing Address
210-chi chd-11

Đ. Lê Lợi. T. 47 khu 7 Th. X

6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại

Công nhân

B. Relatives To Accompany He/ Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kế khai tình trạng gia-dình như sau: đã lập gia đình (H), đã ly dị (D), góa phụ/góa tử (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Giới tính	HS Học sinh	Relationship Liên-hệ gia đình
1. Nguyễn Thị Văn	03-03-1954	Tân Hòa, Khánh Hòa	Nữ	V	3
2. Trần Thị Kim Thy	08-05-1974	Saigon	Nữ	6	con
3. Trần Thị Phương Mai	11-05-1977	Saigon	Nữ	6	con
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section 1 below.)

(tên t: tên sẽ mới có tên trên danh sách tầy, trong đó cần một bản khai-sinh, là từ (nếu tập gia đình cũ), gây ly hôn (nếu đã ly dị), gây khai-tử của vợ/chồng (nếu gia đình cũ), thể căn cước (nếu có), và hình, nếu bà con họ cùng đi với bạn thông gia, họ t với bạn thân tại, địa điểm dự lễ của họ trong phần 1.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở nước ngoài

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, tên

NGUYỄN XUAN LANG

ANNA N. DUNN

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

Anh bà em

Chị-bà em

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relative's Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

1975

1972

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

không

không

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Dinh (Sống/Chết)

1. Father
Cha

HUYNH-VAN-DUA (chết)

2. Mother
Mẹ

NGUYEN THI-QUANG (sống)

3. Spouse
Vợ/Chồng

NGUYEN THI-VEN (v3)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có)

5. Children
Con cái

- (1)
- (2)
- (3)
- (4)
- (5)
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

TRẦN THỊ KIM THY
TRẦN THỊ PHUONG MAI

6. Siblings
Anh chị em

- (1)
- (2)
- (3)
- (4)
- (5)
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

CHỊ HUYNH NGUYET-HUNG
anh Huynh Quang Canh
Em Huynh NGUYET THUY
" Huynh Quang Vinh
" Huynh Quang Vinh
" Huynh NGUYEN-LAM

6. Employment by U.S. Government, Agency, or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Hai hoặc vợ/chồng đã có việc làm cho chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name/Tên họ nhân-viên: NGUYEN THAI VEN

Position title/Chức vụ: SECRETARY

Agency/Company/Office/Số/Hãng/Văn Phòng: THE U.S. ARMY ADVISORY TEAM #90 APO 96289

Length of Employment/Thời gian làm việc: From/Từ 1967 To/Tới 1969

Name of American Supervisor/Tên họ giám-thị Mỹ: Colonel H. HAYES

Reason for Separation/Lý do nghỉ việc: OFFICE CLOSED

2. Employee Name/Tên họ nhân-viên: NGUYEN THAI VEN

Position title/Chức vụ: SECRETARY

Agency/Company/Office/Số/Hãng/Văn Phòng: AMERICAN NATIONAL RED CROSS

Length of Employment/Thời gian làm việc: From/Từ 1970 To/Tới 1972

Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ: MR. PHILLIPS ED. BIGNELL

Reason for Separation/Lý do nghỉ-việc: OFFICE CLOSED

3. Employee Name/Tên họ nhân-viên: NGUYEN THAI VEN

Position title/Chức-vụ: SECRETARY - ACCOUNTING

Agency/Company/Office/Số/Hãng/Văn-Phòng: AIR AMERICA TAN SON NHAT APO 96243 INC

Length of Employment/Thời gian làm việc: From/Từ 1973 To/Tới 1975

Name of American Supervisor/Tên họ giám-thị Mỹ: MR. H. BRAU - MR. ST. HUSTER MANAGER GROUND - OPERATION

Reason for Separation/Lý do nghỉ việc: OFFICE CLOSED

7. Serving with CVN or RVNAF by You Or Your Spouse/Hai hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt Nam

1. Name of Person Serving/Họ tên người tham gia: HUYNH QUANG SANG

2. Dates: Ngày, tháng, năm: From/Từ 1968 To/Tới 1975

3. Last rank/Cấp bậc cuối-cùng: Trung úy Serial Number: Khe 4822

4. Military/Unit/Military Unit/Hội/đoàn Vĩ Binh-Chung: Tiểu đoàn 3/8 TRUNG ĐOÀN 8 SƯ ĐOÀN 5 BÓ BINH

5. Name of Supervisor/C.O./Họ tên người giám thị/quan chỉ huy: - Thiên tá TRẦN KIM ANH
- Đại úy Nguyễn Văn Muc

6. Reason for Separation
by the night visit

7. Name of American Advisor(A) in
Ho tên củ-yán Hý

8. U.S. Training Courses in Vietnam
(Thường: Tỉ lệ huấn luyện Hạng Kỳ
tại Việt-Nam v.v.)

9. U.S. Awards or Certifications
 Name of award: *1st*
 When-where: *Phon-thung bang play khent*

• Data received:
Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available?	Yes	No	.
------------	-----	----	---

(CUM-is: Xin bạn lên trên bãi cỏ văn-hàng, lấy hàng-khăn, hoặc chứng-thư nếu có.
Đường đi có không? Có (Không...)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoài quốc gia:

1. Name of Student/Trainee
Họ tên Sinh-viên/người đi học luyện:

2. School and School Address.
Training va dda chi nba, training

3. Ngày: tháng, năm

From: [illegible] To: [illegible]
 Title: [illegible]

4. Description of Courses
Hô-là ngành học ()

5. Who paid for training? ...
 Ai đã cho chúng tôi học huấn luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)

(CIU-Y: Xin han kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thì nếu có. Ban có hay không? Có Không

11. Re-education of You or Your Spouse/Ban hong vo/choong da hoc-tap cai-tan

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo

2. Time in Reeducation: Promotion
 Thời gian học tập .. Tiền

3. Still in Reeducation? ^a Yes
 Vẫn còn học-tập cải-tạo? ^a Có

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

(Nếu được thì, chúng tôi cần một hơn sao giấy ra trải.)

7. Any Additional Remarks/Chúc chúp-phô-thêm

Năm 1980 - 81 - 82 - tôi gửi hồ sơ đi Hoa Kỳ và Thái Lan kèm theo tên, ngày, ban cấp tên Nguyễn Thị Nga Châm viết cả cách vẽ chân chúng tôi vì cô ta muốn mua "điện" gần chỗ bà Vũ ở. Khi đi Hoa Kỳ, nhưng sau đó cô ta đã đưa chồng bà Lan ra đi năm 1984. Tôi biết xác nhận lại cho Trung và Thận báo Văn phòng ĐP tại Thái Lan: H&S: IV: 50-966 gửi về cho họ.

Signature
Ký tên :

Ký tên: same

Page 2
11/11/11

Ngày: 10 / - 08 / 1992

J. Please list here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả gây-tổ kèm theo với số câu hỏi này

Bink Kern

- 02 Lô Nhàn

- 04 khai giảng mới

04 - T.D.C.

04 kind. mon. sign

of gray ~~100-100~~ ¹⁰⁰⁻¹⁰⁰ ~~6/10~~ ^{6/10} ~~har~~ ^{har}

of kinship.

[illegible]

3-10-1964

$\frac{d}{dt} \left(\frac{1}{2} m v^2 + U(r) \right) = -\nabla U(r) \cdot v$

vào tháng Mấy 23-1984. Xin - được - điều chỉnh lại địa chỉ từ số 2 Lê Lợi thay vì 29/4 Lê Lợi và ^ở danh sách về con cũng đi theo thì hiện nay là ^ở dùng nó thật (kèm chứng từ) Hơn nữa vợ tôi Nguyễn Thị Văn trước 1975 đã phục vụ cơ quan Hoa Kỳ gần 10 năm cũng đã có tên trong hồ sơ rồi ghi một là Thái úy Nguyễn Văn Mây vào những năm 1982-83-84 và 88. Năm 1988 vợ tôi cũng đã đứng tên riêng cũng ở con đó bà Barbara chuyển hồ sơ đi Thái Lan nhưng chưa có lời. Rất mong quý bạn phản ánh. Chúc có. Cảm ơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố Sông Bé
Huyện, Quận Thủ Dầu Một
Xã, Phường Phú Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/MTC
Quyển số 01/90
Số 94

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

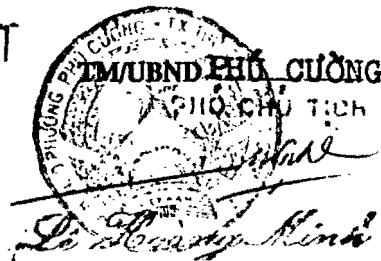
Họ tên vợ NGUYỄN THỊ VEN
Sinh ngày 03/03/1951
Quê quán PHÚ CƯỜNG - THỦ DẦU MỘT
TỈNH SÔNG BÉ
Nơi thường trú 13. Tổ 43. Khu Phố 2
Phường Phú Cường. Thủ Dầu Một. SB
Nghề nghiệp Buôn Bán
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 280047547

Họ tên chồng HUỲNH QUANG SANG
Ngày sinh 20/09/1947
Quê quán CHÁNH MỸ - THỦ DẦU MỘT
TỈNH SÔNG BÉ
Nơi thường trú 02. Tổ 47. Khu Phố 2
Phường Phú Cường. Thủ Dầu Một. SB
Nghề nghiệp Công Nhân
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam
Số CMND hoặc Hộ chiếu 280347059

Chữ ký người vợ

Ngày 14 tháng 08 năm 1990

Chữ ký người chồng





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
Số 280047059

Họ tên **HUYỀN QUANG SANG**



Sinh ngày 20-09-1947

Nguyên quán Chánh Hiệp

TX. Thủ Đức, Sông Bé

Nơi thường trú Phú Cường

TX. Thủ Đức, Sông Bé

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chân 01, 3cm trên
trước bắp phải

Ngày tháng 07 năm 1984

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ CÔNG AN

NGƯỜI TRỞ TRẠI

NGƯỜI TRỞ PHẢI



Đỗ Hoàng Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TỈNH SÔNG BÉ

SỔ HỘ KHẨU

GIA ĐÌNH

Họ và tên chủ hộ

LE THỊ TRINH

Số nhà

13

Ngõ (hẻm)

TỔ 43 KHU 5

Đường phố, xóm, ấp, bản

ĐƯỜNG QUYỀN

Phường, xã, thị trấn

PHƯỜNG LƯƠNG

Huyện, thị xã

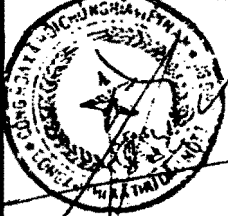
THỊ XÃ LƯƠNG

TỈNH SÔNG BÉ

QUYỀN SỐ 1625

Chủ hộ: Bê Thi Gring

Số 1

Quan hệ với chủ hộ Nội dung	1 - <u>Chức vụ</u>	2 - <u>cm</u>
1- Họ và tên - Tên thường gọi	<u>Bê Thi Gring</u>	<u>Nguyễn Thị</u> <u>Nen</u>
2- Ngày tháng năm sinh	<u>1927</u>	<u>08.03.1951</u>
3- Nơi sinh	<u>Bến Khong</u>	<u>Phước Cường</u>
4- Nam hay Nữ	<u>Nữ</u>	<u>Nữ</u>
5- Nguyên quán	<u>(Hủ Sầu M)</u>	<u>Bến Hòa Nam</u>
6- Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
7- Tôn giáo	<u>Thiên chúa</u>	<u>Thiên chúa</u>
8- Số giấy CMND		<u>280047547</u>
9- Nghề nghiệp và nơi làm việc	<u>ở nhà</u>	<u>Thợ may</u>
10- Chuyển đến: - ở đâu đến - ngày đến	<u>Phước Cường</u> <u>20.10.1976</u>	<u>Phước Cường</u> <u>20.10.1976</u>
11 Chuyển đi: - Đi đâu - Ngày đi		
Cơ quan ĐKKH Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an Quận Huyện Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)	<u>Ngày 31.03.90</u> <u>Đường 24 TX</u>	

Nguyễn Văn Dũng

Chủ hộ:

Số

9

Quan hệ với chủ hộ	3	4
Nội dung	con	con
1- Họ và tên	Nguyễn Thị	Nguyễn Thị
Tên thường gọi	Thị Ngọc	Thị Ngọc
2- Ngày tháng năm sinh	31.08.1956	12.08.1959
3- Nơi sinh	Phước Cường	Phước Cường
4- Nam hay Nữ	Nữ	Nam
5- Nguyên quán	Bản Hòa Khê	Bản Khê
6- Dân tộc	Kinh	Kinh
7- Tôn giáo	Thiên chúa	Thiên chúa
8- Số giấy CMND		28.004.7590
9- Nghề nghiệp	Chợ vận tải	Giáo xe đạp
và nơi làm việc		
10- Chuyển đến:		
- ở đâu đến	Phước Cường	Phước Cường
- ngày đến	20.10.1976	20.10.76
11- Chuyển đi:		
- đi đâu		
- Ngày đi		
Cơ quan ĐKKK	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an Quận/Huyện Ký tên đóng dấu (Chữ rõ họ tên cấp bậc)	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an Quận/Huyện Ký tên đóng dấu (Chữ rõ họ tên cấp bậc)

5	6	7
con	con	con
Nguyễn Thị	Nguyễn Thị	Nguyễn Thị
Thị Ngọc	Thị Ngọc	Thị Ngọc
24.01.1961	28.11.1965	07.06.1968
Phước Cường	Phước Cường	Phước Cường
Nam	Nữ	Nam
Bản Khê	Bản Khê	Bản Khê
Kinh	Kinh	Kinh
Thiên chúa	Thiên chúa	Thiên chúa
Giáo xe đạp	Giáo xe đạp	Giáo xe đạp
Phước Cường	Phước Cường	Phước Cường
20.10.1976	20.10.1976	20.10.76

Chủ hộ

Số

4

Quan hệ với chủ hộ		8	9
Nội dung		con	con
1. Họ và tên		Nguyễn Chí	Nguyễn Văn
- Tên thường gọi		Chị Quy	Chanh
2. Ngày tháng năm sinh		05.02.69	07.09.1971
3. Nơi sinh		Phước Cường	Phước Cường
4. Nam hay Nữ		Nữ	Nam
5. Nguyên quán		Bản Khẩu	Bản Khẩu
6. Dân tộc		Kinh	Kinh
7. Tôn giáo		Chiên chúa	Chiên chúa
8. Số giấy CMND			
9. Nhà, nghề nghiệp		Vận tải	Thợ may
- và nơi làm việc			
10. Chuyển đến:			
- ở đâu đến		Phước Cường	Phước Cường
- ngày đến		20.10.1976	20.10.1976
11. Chuyển đi:			
- ở đâu			
- Ngày đi			
Cơ quan BHXH	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an Quận Huyện Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)		

5

Chủ hộ

Số

5

Quan hệ với chủ hộ		10	11
Nội dung		cháu	con
1. Họ và tên		Trần Chí Kim	Yê Kiên Chiên
- Tên thường gọi		Chị	
2. Ngày tháng năm sinh		08.06.1974	28.11.1953
3. Nơi sinh		Số 6	Bị Song Bè
4. Nam hay Nữ		Nữ	Nam
5. Nguyên quán		Yong Bè	Bản Khẩu
6. Dân tộc		Kinh	Kinh
7. Tôn giáo		Chiên chúa	Chiên chúa
8. Số giấy CMND			
9. Nhà, nghề nghiệp		Học sinh	Sửa xe
- và nơi làm việc			
10. Chuyển đến:			
- ở đâu đến		Phước Cường	Phước Cường
- ngày đến		20.10.76	18.01.77
11. Chuyển đi:			
- ở đâu			
- Ngày đi			
Cơ quan BHXH	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng Công an Quận Huyện Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)		

58 6

Quan hệ với chủ hộ		13	14
Nội dung		Cháu	Đồng
1. Họ và tên		Nguyễn Thiên	Nguyễn Văn
- Tên thường gọi		Hoàng Anh	Mây
2. Ngày tháng năm sinh		24.06.1979	1927
3. Nơi sinh		Phước Yên	Bản Khẩu
4. Nam hay Nữ		Nữ	Nam
5. Nguyên quán		Bản Khẩu	Bản Khẩu
6. Dân tộc		Kinh	Kinh
7. Tôn giáo		Thiên Chúa	Thiên Chúa
8. Số giấy CMND			280347342
9. Nghề nghiệp		Học sinh	Quản xe đạp
và nơi làm việc			
10. Chuyển đến		Phước Yên	
- ở đâu đến		24.07.79	7.10.1980
- ngày đến			
11. Chuyển đi:			
- Đi đâu			
- Ngày đi			
Cơ quan ĐKKH	Ngày tháng năm đăng ký Trường Công an Quận Huyện Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)		

15	16	17
Cháu	Cháu	Dâu
Nguyễn Hòa Như	Phạm Ngọc Huyền	Nguyễn. Chi Dương. Hiền
29.03.1984	02.03.1988	19.61
Con dâu một nam -	Bà đang nam	Nữ - Tươi
Trần Khánh Kính	P.Ưng Kính	Kính
Chiến Chua	Chiến Chua	Chiến Chua
		28.02.4750
		CN.V.
		By S.B.
26.05.84	24.04.86	13.11.1986

Chủ hộ

58

8

Quan hệ với chủ hộ		18	19
Nội dung		cháu	
1- Họ và tên		Nguyễn Hoàng	
- Tên thường gọi		Anh Nữ	
2 Ngày tháng năm sinh		05.12.1986	
3 Nơi sinh		P.Ưông	
4 Nam hay Nữ		Nam	
5- Nguyên quán		Bản Nho	
6- Dân tộc		Kinh	
7- Tôn giáo		Giê-n-xu-ê	
8- Số giấy CMND			
9- Nghề nghiệp			
và nơi làm việc			
10- Chuyển đến		Đông Ky	
- ở đâu đến		26.12.86	
- ngày đến			
11- Chuyển đi:			
- Đi đâu			
- Ngày đi			
Cơ quan BHXH	Ngày tháng năm đăng ký Trường Công an Quận Huyện Ký lên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)	 09/90	

Nguyễn Văn Dũng

N 9, 529, 830 **GOOD FOR USE IN**

1. CARD NUMBER

2. ISSUE DATE

3. EXPIRATION DATE

07. Dec 70

21 Feb 71

ONLY

4. ISSUED TO (Typed name and relationship)

BARNARD, NGUYEN THI VEN (Wife)

5. COLOR OF EYES

6. COLOR OF HAIR

7. HEIGHT

8. WEIGHT

Brown

Black

61"

104

9. DATE OF BIRTH OF BEARER

10. GRADE AND NAME OF SPONSOR

8 Mar 51

CPT. BARNARD, FRANK O.

11. SERVICE & STATUS OF SPONSOR

12. SERVICE NO. OF SPONSOR

13. AUTHORIZED PATRONAGE

USA

465-52-9897

~~XXXXXX~~

~~XXXXXX~~

~~XXXXXX~~

~~XXXXXX~~

14. SIGNATURE

Nguyen Thi Ven Barnard

NON-TRANSFERABLE - VOID IF ALTERED

16. MEDICAL CARE FACILITIES AUTHORIZED

A. UNIFORMED SERVICES

YES

B. CIVILIAN (If you have access to)

NO.

17. PLACE OF ISSUE

HQ MACV, MACAG-PP, APO 96222

SIGNATURE

Gerald B. Murphy

TYPED NAME AND GRADE

GERALD B. MURPHY, 1LT USA STG C.

WARNING: USE OF THIS AUTHORIZATION BY OTHER THAN PERSON NAMED THEREON, OR ANY USE IN VIOLATION OF PROVISIONS OF DEPENDENT MEDICAL CARE ACT OF 1958 RENDERES USER LIABLE FOR PROSECUTION UNDER APPLICABLE FEDERAL LAWS PERTAINING TO FALSE STATEMENTS (18 USC 1001)

IF FOUND -
DROP IN ANY MAIL BOX

POSTMASTER - RETURN TO
DEPARTMENT OF DEFENSE
WASHINGTON, D. C. 20301

DD FORM 1172
1 MAR 61

UNIFORMED SERVICES IDENTIFICATION AND PRIVILEGE CARD

PROPERTY OF UNITED STATES GOVERNMENT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **280047547**

Họ tên **NGUYỄN-THỊ-VEN.**

Sinh ngày **03-03-1951**

Nguyên quán **Vĩnh - Trường
Tan Uyên, Sông - Bé.**

Nơi thường trú **19 Ngô Quyền
TX. Thủ Dầu Một, Sông Bé**

Dân tộc: **Kinh** .. Tôn giáo: **Thiên-C-giáo**

NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI



DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Seo chấm Clem trước
đầu lông mày phải.

Ngày 10 tháng 05 năm 1978

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG TY

[Handwritten signature]

Trần Đức Kinh

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH BÌNH DƯƠNG

QUẬN CHÂU THÀNH

BỔN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI - SANH

XÃ

Năm: 1970

Số hiệu: 213



Tên họ ấu nhi	NGUYỄN THỊ VỊN
Nam hay nữ	NỮ
Ngày sanh	Ngày ba tháng ba năm một ngàn chín trăm năm mươi mốt
Nơi sanh	PHỐ CƯỜNG
Tên họ người cha	NGUYỄN VĂN AN
Nghề nghiệp	QUÂN CÔNG HẠ VỆ BINH
Nơi cư ngụ	PHỐ CƯỜNG
Tên họ người mẹ	LÊ THỊ TRINH
Nghề nghiệp	CƠ VIÊN NHÀ
Nơi cư ngụ	PHỐ CƯỜNG
Vợ chánh hay thứ	Vợ Chánh

Nhận thực chữ ký của Ủy-viên

Họ Tịch Xã

KHOI THI THUC

năm 19

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÍNH

Phố Cường ngày 20 tháng 12 năm 1970



HỘ - TỊCH

NGUYỄN-THỊ-HAI

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận: BA
PHƯỜNG: BẾN-ÔNG

Số hiệu: 1030

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SAN

Lập ngày 15 tháng 06 năm 1974



Tên họ đứa trẻ.	TRẦN-THỊ-KIM-THY
Con trai hay con gái. . .	NỮ
Ngày sanh.	Tám tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn, hồi 14 giờ 30
Nơi sanh.	Saigon 75-A Cao-Thăng
Tên họ người cha. . . .	TRẦN-THỊ-TY (độc-thân) ^{nhận đứa nhỏ} là con
Tên họ người mẹ. . . .	NGUYỄN-THỊ-VIỆT (độc-thân)
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	/
Tên họ người đứng khai.	TRẦN-THỊ-TY

MIỄN LỆ-THÍ

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 17 tháng 06 năm 1974

Viên-Chức Hộ-Tịch, 10/h1



[Handwritten signature]

Lê Văn Phụng

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Phủ Cường
Thị xã, Quận Phủ đầu tiên
Thành phố, Tỉnh Sông Bắc
☆

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 228
Quyển số 09



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>Trần - Thị - Phương - Mai .</u>		Nam, Nữ <u>?</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>Mười một, tháng năm, năm một nghìn chín trăm bảy mươi bảy (11.05.1977)</u>		
Nơi sinh	<u>Huyện viên Tổ 4 Thành phố Hồ Chí Minh .</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Trần Thiệp Ty</u> <u>03.10.1949</u>	<u>Nguyễn thị Vạn</u> <u>03.02.1951</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>làm ăn nhỏ</u>	<u>Hội trợ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Tân Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh .</u>		
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn thị Vạn,</u> <u>CMND số 1 2800758 cấp ngày 10.05.1978</u> <u>tại Ty Công An Tỉnh Sông Bắc .</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN GIẤY KHAI SINH
Ngày 11 tháng 07 năm 198 6
TM. UBND Phủ Cường ký tên đóng dấu
Đã ký, ngày 16 tháng 07 năm 198 6
(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)
Ty/UBND Phủ Cường
Phó Chủ tịch
(dã ký và đóng dấu)
Đoàn thị Hồng .



Sao T công chứng
phủ chứng 15/7/88 - tại Nguyễn Văn
Hưng, công chứng viên nhà nước
phục vụ PC công chứng ban sau
gây kiện sinh con trước thời pháp
Mời là ông Nguyễn Văn Hưng
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Văn Hưng